

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục năm học 2024 – 2025

Căn cứ Công văn số 752/UBND-GD ngày 14/3/2024 của UBND thị xã Quảng Yên V/v lập Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2024-2025; Căn cứ tình hình thực tế nhà trường và địa phương, Trường THCS Lê Quý Đôn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

1. Nêu tóm tắt thuận lợi, khó khăn của địa phương.

1.1. Thuận lợi:

Thị xã Quảng Yên đang có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế-xã hội, được tỉnh quan tâm đầu tư, hoàn thiện các tuyến đường giao thông huyết mạch đầu nối liên kết vùng với thành phố Hải Phòng, thị xã Đông Triều; các khu công nghiệp trên địa bàn dần hoàn thiện và thu hút các nhà đầu tư đang quan tâm đầu tư vào thị xã... Nhiều dự án lớn được triển khai dẫn tới việc tăng dân số cơ học, ảnh hưởng đến các điều kiện nhà ở, về hạ tầng xã hội (*giáo dục, y tế...*).

Phường Yên Giang nằm gần trung tâm của Thị xã Quảng Yên, trong giai đoạn 2020 – 2025 phường có nhiều sự thay đổi theo sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của Thị xã, tuyến đường ven sông, cầu Sông Chanh 3, các khu quy hoạch tái định cư, khu di tích Bạch Đằng được xây dựng hoàn thiện thu hút được lực lượng lao động về sinh sống trên địa bàn phường; Cùng với sự phát triển KT-XH của phường Yên Giang, của các xã phường trong Thị xã Quảng Yên, nhu cầu của người dân quan tâm đến giáo dục, quan tâm đến môi trường học tập chất lượng cho con em là thiết yếu, dẫn tới số lượng học sinh sẽ tăng ở các trường, trong đó có trường THCS Lê Quý Đôn nằm trên địa bàn phường Yên Giang.

Trường THCS Lê Quý Đôn được thành lập từ năm 1996 với nhiệm vụ chính trị vừa là trường trọng điểm của thị xã nơi đào tạo chất lượng cao, vừa là trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục đại trà cho con em nhân dân phường Yên Giang. Trước tình hình bối cảnh KT-XH của địa phương, của đất nước và tình hình thay đổi chương trình giáo dục phổ thông thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, nhiệm vụ của trường THCS Lê Quý Đôn luôn phải đi đầu trong sự nghiệp đổi mới đó đang là thách thức đối với nhà trường, Vì vậy nhà trường phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và đề ra các giải pháp chỉ đạo để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học.

1.2. Khó khăn:

Cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng được khi tăng lớp, tăng học sinh do nhu cầu thiết yếu của phụ huynh, học sinh và sự phát triển của nhà trường.

Học sinh thuộc các địa phương khác nhau nên đi lại còn mất thời gian cho phụ huynh và gia đình.

2. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 – 2025 những chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp của Đảng và Nhà nước sẽ tác động tích cực đến sự phát triển của đất nước, tác động đến sự phát triển giáo dục. Công tác giáo dục từ năm học 2021-2022 cấp THCS triển khai thực hiện chương trình GDPT ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là chương trình GDPT 2018) mục tiêu chung thay đổi gắn với thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

II. Quy mô trường, lớp, học sinh

- Chi tiết theo các Phụ lục kèm theo: QM-THCS.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024

1.1. Quy mô cơ sở giáo dục

- Trường THCS Lê Quý Đôn thuộc loại hình: công lập.
- Tổng số điểm trường: Có 01 điểm trường chính.

1.2. Quy mô số lớp, số học sinh

- Tổng số 17 lớp, 724 học sinh, theo loại hình: công lập.
- Tổng số lớp, số học sinh bán trú THCS: Không

2. Kế hoạch năm học 2024-2025

2.1. Quy mô cơ sở giáo dục

- Trường THCS Lê Quý Đôn thuộc loại hình: công lập.
- Tổng số điểm trường: Có 01 điểm trường chính.

2.2. Quy mô số lớp, số học sinh

- Tổng số 18 lớp, 736 học sinh, theo loại hình: công lập.
- Tổng số lớp, số học sinh bán trú THCS: Không

2.3. Nhận xét, đánh giá.

- Tăng 01 lớp, tăng 12 học sinh so với năm học trước.

III. Việc huy động học sinh

- Chi tiết theo các Phụ lục kèm theo: QM-THCS.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024

1.1. Tỷ lệ huy động HS HTCT Tiểu học vào lớp 6 (trong đó học sinh là người DTTS)

- Huy động HS HTCT Tiểu học vào lớp 6: 228 HS.

Trong đó: Tiểu học Yên Giang: 98 HS

Các trường Tiểu học khác: 130 HS.

Học sinh là người DTTS: 03.

1.2. Tỷ lệ học sinh THCS học 02 buổi/ngày (trong đó học sinh là người DTTS): Không

1.3. Tỷ lệ huy động HS TNTHCS vào lớp 10 (trong đó HS là người DTTS):

HS TNTHCS vào lớp 10: $178/188 = 94,7\%$

HS là người DTTS: Không.

1.4. Tỷ lệ phân luồng học sinh sau THCS:

Số học sinh học nghề kết hợp học văn hóa: $10/188 = 5,3\%$

1.5. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

- Phổ cập giáo dục THCS:

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở: 97,3%.

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: 97,3%.

- Phổ cập xóa mù chữ: đạt mức độ 2.

2. Kế hoạch năm học 2024 - 2025

2.1. Tỷ lệ huy động HS HTCT tiểu học vào lớp 6 là (trong đó người DTTS)

- Huy động HS HTCT Tiểu học vào lớp 6: 189 HS.

Trong đó: Tiểu học Yên Giang: 89 HS (100%)

Các trường Tiểu học khác: 100 HS.

Học sinh là người DTTS: Không.

2.2. Tỷ lệ học sinh THCS học 02 buổi/ngày (trong đó HS là người DTTS): Không

2.3. Tỷ lệ huy động HS TNTHCS vào lớp 10 (trong đó HS là người DTTS): 95% (HS là người DTTS: Không).

2.4. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

- Phổ cập giáo dục THCS:

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở: 98%

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: 98%

- Xóa mù chữ: đạt mức độ 2.

2.4. Số lượng giáo viên Ngoại ngữ, Tin học thực hiện chương trình GDPT 2018:

Giáo viên Ngoại ngữ: 04;

Giáo viên Tin học: 02.

2.5. Nhận xét, đánh giá

* So sánh: tăng 01 lớp so với năm học trước.

IV. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- *Chi tiết theo các Phụ lục: BC-THCS.*

1. Kết quả năm học 2023 - 2024

1.1. Số lượng người làm việc, Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo ND111 được giao:

Tổng số NLV được giao: 41, trong đó: cán bộ quản lý: 02; giáo viên: 32; nhân viên: 04, hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 03.

1.2. Thực trạng đội ngũ năm học 2023 - 2024

- Tổng số NLV có mặt (đến tháng 12/2023): 38, trong đó: cán bộ quản lý: 01; giáo viên: 31; nhân viên: 03, hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 03.

- Tỷ lệ GV đạt chuẩn và trên chuẩn (tính cả biên chế và hợp đồng): $29/31 = 93,5\%$.

- Tỷ lệ GV/lớp (tính cả biên chế và hợp đồng): $31/17 = 1,82$.

1.3. Kết quả bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Bồi dưỡng thường xuyên: 100% cán bộ, giáo viên hoàn thành.

- Bồi dưỡng chứng chỉ theo vị trí việc làm các môn học mới theo Chương trình GDPT 2018: 10 giáo viên.

- Bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ nhân viên kế toán: 01.

1.4. Đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018:

- Đánh giá thực trạng đội ngũ, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu sử dụng và những thuận lợi, khó khăn hiện nay trong việc bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ để thực hiện chương trình GDPT 2018: Số lượng người làm việc của trường hiện nay thấp hơn định mức quy định, vì vậy trường đang thiếu nhân lực và gặp khó khăn trong việc phân công giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Đặc biệt là các môn học mới theo chương trình GDPT 2018 giáo viên không đủ cơ cấu, phải dạy ghép nhiều giáo viên/môn nên số tiết dạy cao ở một

số giáo viên, theo đó ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chuyên môn ở các môn học này. Nhân viên ở một số vị trí việc làm cần thiết thì không có nhân lực, đặc biệt nhân viên thiết bị, thí nghiệm, nhân viên phụ trách CNTT, nhân viên y tế. Đây là nhóm nhân viên rất cần thiết cho nhà trường trong thời điểm hiện nay, khó bố trí kiêm nhiệm nếu không có chuyên môn đào tạo.

- Đề xuất giải pháp khắc phục:

+ Đối với giáo viên: Hợp đồng hoặc tuyển dụng mới bổ sung đủ số lượng theo vị trí việc làm, yêu cầu có bằng tốt nghiệp Đại học loại giỏi đáp ứng nhiệm vụ của trường trọng điểm chất lượng; Các môn ghép mới theo Chương trình GDPT 2018 (Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý) chưa có nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu vẫn sử dụng nguồn GV có trình độ đơn môn tiếp tục bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu.

+ Đối với nhân viên: Hợp đồng hoặc tuyển dụng mới bổ sung đủ số lượng theo vị trí việc làm.

1.5. Tình hình triển khai thực hiện Đề án tự chủ đã được phê duyệt:

Đề án tự chủ của đơn vị đã được phê duyệt (theo Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Đề án tự chủ đối với 22 trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên giai đoạn 2023-2025).

Năm 2023 đã thực hiện nghiêm túc theo Đề án đã được phê duyệt.

Khó khăn trong việc thực hiện xác định số người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp; Khó khăn trong việc thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP (thay đổi mức thu học phí) số kinh phí giảm khó thực hiện được Đề án tự chủ đã được phê duyệt giai đoạn 2023-2025.

Giải pháp, đề xuất: Đề nghị UBND tỉnh xem xét hỗ trợ học phí cho học sinh hoặc bổ sung kinh phí cho đơn vị để đảm bảo thực hiện được Đề án tự chủ đã được phê duyệt giai đoạn 2023-2025.

2. Kế hoạch năm học 2024 – 2025

2.1. Tổng số người làm việc theo định biên, trong đó: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Số hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo NĐ111

Căn cứ Nghị định số 120/2023/NĐ-CP; Thông tư 12/2022/TT-BNV và Điều 10,11,12,13,14 của Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ giáo dục; Căn cứ số lớp năm học 2024-2025: 18 lớp. Trường THCS Lê Quý Đôn xác định số lượng người làm việc trong đơn vị theo định biên như sau:

Tổng số người làm việc: 46. Trong đó: Cán bộ quản lý: 03; Giáo viên (gồm cả TPT Đội): 35; Nhân viên làm chuyên môn dùng chung: 5; Số hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo NĐ111: 03.

2.2. Tổng số người làm việc có mặt dự kiến (đến tháng 9/2024), trong đó: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Số hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo NĐ111

Tổng số người làm việc: 46. Trong đó: Cán bộ quản lý: 03; Giáo viên (gồm cả TPT Đội): 35; Nhân viên làm chuyên môn dùng chung: 5; Số hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 03.

2.3. Kế hoạch đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018

+ Đối với giáo viên: Hợp đồng hoặc tuyển dụng mới bổ sung đủ số lượng theo vị trí việc làm, yêu cầu có bằng tốt nghiệp Đại học loại giỏi đáp ứng nhiệm vụ của trường trọng điểm chất lượng; Các môn ghép mới theo Chương trình GDPT 2018 (Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý) chưa có nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu vẫn sử dụng nguồn GV có trình độ đơn môn tiếp tục bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu.

+ Đối với nhân viên: Hợp đồng hoặc tuyển dụng mới bổ sung đủ số lượng theo vị trí việc làm.

2.4. Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Bồi dưỡng thường xuyên: 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành.
- Bồi dưỡng quản lý, chuyên môn nghiệp vụ: 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia.
- Học Đại học đáp ứng trình độ chuẩn: 02 giáo viên.
- Học bồi dưỡng chứng chỉ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm: 01 nhân viên.

2.5. Kế hoạch thực hiện Đề án tự chủ năm học 2024 - 2025

Tiếp tục thực hiện Đề án tự chủ giai đoạn 2023-2025.

Giải pháp, đề xuất: Đề nghị UBND tỉnh xem xét hỗ trợ học phí cho học sinh khi thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP (thay đổi mức thu học phí) hoặc bổ sung kinh phí cho đơn vị để đảm bảo thực hiện được tỷ lệ tự chủ, Đề án tự chủ đã được phê duyệt giai đoạn 2023-2025.

3. Nhận xét, đánh giá: Thực hiện nghiêm túc

V. Cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2023 - 2024 và kế hoạch của năm 2024 - 2025 (chi tiết theo các Phụ lục: CSVCS-THCS; XDCTB)

1. Kết quả năm học 2023 – 2024

- Được công nhận Chuẩn quốc gia năm học 2023-2024: Không
- Xây mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trường, phòng học (nhà vệ sinh, nhà công vụ...): Sửa chữa nhà hiệu bộ, bể bơi, nhà tập Cầu lông.

2. Kế hoạch năm học 2024 – 2025

- Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia năm học 2024-2025 mức độ 1.
- Xây mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trường, phòng học (nhà vệ sinh, nhà công vụ...): Cải tạo, nâng cấp sân TDTT (bóng rổ).

3. Nhận xét, đánh giá

- Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Cơ sở vật chất nhà trường đã xây dựng nhiều năm trước chưa đạt so với tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia: thiếu phòng học, phòng học diện tích nhỏ so với số học sinh, thiếu phòng học bộ môn, thiết các phòng làm việc.

- Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Số lượng, chất lượng, mức độ đáp ứng so với các quy định theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT; các Thông tư quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia; tiêu chí về trường học trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025: Đề nghị cấp trên xây mới lại đủ hạng mục, theo đúng tiêu chuẩn trường chất lượng cao.

VI. Tổng hợp kinh phí

- Chi tiết theo các Phụ lục: CDCS 2023, CDCS 2024, Khoản thu, Kinh phí.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023 - 2024

1.1. Tổng kinh phí được cấp

- Kinh phí chi thường xuyên: 4.029.394.000đ, chi cho thanh toán cá nhân: 3.344.219.000đ, Đạt tỷ lệ: 83%

1.2. Kinh phí không thường xuyên (Không tự chủ): Học phí: 1.816.790.000đ

1.3. Chi chế độ chính sách học sinh; chi mua sắm cơ sở vật chất: 274.916.000đ

1.4. Chi đầu tư (bao gồm cả phần được giao về phòng GDĐT và phần được điều hành tại Ban quản lý dự án địa phương): Không

1.5. Việc thực hiện tự chủ tỷ lệ tự chủ: 23%

1.6. Nhận xét, đánh giá: Thực hiện nghiêm túc

2. Dự toán năm 2024

2.1. Tổng kinh phí được cấp

- Kinh phí chi thường xuyên: 5.140.000.000đ, chi cho thanh toán cá nhân: 4.110.000đ, Đạt tỷ lệ: 85,6%.

2.2. Kinh phí không thường xuyên (Không tự chủ): 315.000.000đ.

2.3. Chi chế độ chính sách học sinh; chi mua sắm cơ sở vật chất: 34.000.000đ.

2.4. Chi đầu tư (bao gồm cả phần được giao về phòng GDĐT và phần được điều hành tại Ban quản lý dự án địa phương): Không

2.5. Việc thực hiện tự chủ.

Đề án Tự chủ tài chính đã được phê duyệt (theo Quyết định số 10642/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về

việc điều chỉnh giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo).

Năm 2023 đã thực hiện nghiêm túc theo Đề án đã được phê duyệt.

Khó khăn trong việc thực hiện xác định số người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp; Khó khăn trong việc thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP (thay đổi mức thu học phí) số kinh phí giảm khó thực hiện được theo Đề án tự chủ tài chính đã được phê duyệt giai đoạn 2023-2025.

Giải pháp, đề xuất: Đề nghị UBND tỉnh xem xét hỗ trợ học phí cho học sinh hoặc bổ sung kinh phí cho đơn vị để đảm bảo thực hiện được Đề án tự chủ đã được phê duyệt giai đoạn 2023-2025.

3. Nhận xét, đánh giá: Thực hiện nghiêm túc

VII. Kiến nghị, đề xuất: Không

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (B/c);
- CB, GV, NV (Th/h);
- Lưu VP./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Linh